Chi tiết mã HS 9508.22.00

Mã HS	9508.22.00
Mô tả hàng hóa	Rạp xiếc lưu động và bầy thú xiếc lưu động; trò chơi di chuyển trong công viên giải trí (amusement park rides) và trò chơi công viên nước (water park amusements); trò chơi hội chợ (fairground amusements), kể cả khu bắn súng giải trí; rạp lưu động / - Trò chơi di chuyển trong công viên giải trí và trò chơi công viên nước: / - - Đu quay, đánh đu và vòng quay ngựa gỗ
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 05:18:09
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/95082200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18813
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18813
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18813
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	7	7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18089
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18018
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18018
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18018
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18018
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18018
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18018
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E18074
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18074
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18074
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18074

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18074
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18074
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18075
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18075
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18075
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18075
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18075
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18075
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18080
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18037
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18032
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18032
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18032
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18032
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18032
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18032
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18080
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18080
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18080
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18080
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18080
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18080
VCFTA	2022	2022	2	VC!D18144
VCFTA	2023	2023	1	VC!E18144
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18144
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18144

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18144
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18144
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18118
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18118
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18118
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18118
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18118
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18118
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D18111
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E18111
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F18111
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G18111
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H18111
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18111
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D18141
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18141
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18141
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18141
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18141
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18141
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D18140
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18140
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18140
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18140
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18140
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18140

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18234
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18234
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18234
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18234
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18234
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18234
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18234
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18105
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18105
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18105
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18105
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18105
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18105
RCEP B	2022	2022	0	B!D18105
RCEP B	2023	2023	0	B!E18105
RCEP B	2024	2024	0	B!F18105
RCEP B	2025	2025	0	B!G18105
RCEP B	2026	2026	0	B!H18105
RCEP B	2027	2027	0	B!I18105
RCEP C	2022	2022	0	C!D18103
RCEP C	2023	2023	0	C!E18103
RCEP C	2024	2024	0	C!F18103
RCEP C	2025	2025	0	C!G18103
RCEP C	2026	2026	0	C!H18103
RCEP C	2027	2027	0	C!I18103
RCEP D	2022	2022	0	D!D18102

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E18102
RCEP D	2024	2024	0	D!F18102
RCEP D	2025	2025	0	D!G18102
RCEP D	2026	2026	0	D!H18102
RCEP D	2027	2027	0	D!I18102
RCEP E	2022	2022	0	E!D18107
RCEP E	2023	2023	0	E!E18107
RCEP E	2024	2024	0	E!F18107
RCEP E	2025	2025	0	E!G18107
RCEP E	2026	2026	0	E!H18107
RCEP E	2027	2027	0	E!I18107
RCEP F	2022	2022	0	F!D18105
RCEP F	2023	2023	0	F!E18105
RCEP F	2024	2024	0	F!F18105
RCEP F	2025	2025	0	F!G18105
RCEP F	2026	2026	0	F!H18105
RCEP F	2027	2027	0	F!I18105
VIFTA	2024	2024	9	VI!F16975
VIFTA	2025	2025	8	VI!G16975
VIFTA	2026	2026	7	VI!H16975
VIFTA	2027	2027	6	VI!I16975

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9508.22.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9508.22.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9508.22.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 9508.22.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18813), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.